

**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KỲ II - HOÁ 9
NĂM HỌC 2013 – 2014**

HÓA VÔ CƠ

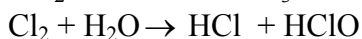
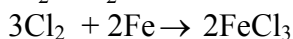
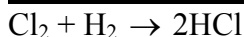
1) Tính chất chung của phi kim

a) *Phi kim + Kim loại* → muối hoặc oxit

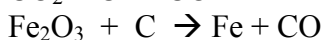
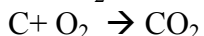
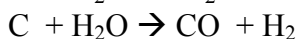
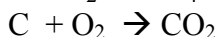
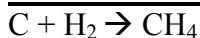
b) *Phi kim + Hidro* → Hợp chất khí

c) *Phi kim + Oxi* → Oxit

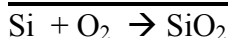
Tính chất hóa học của Clo:



Tính chất của C:



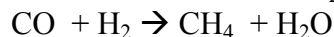
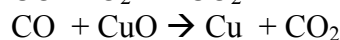
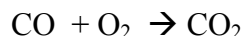
Tính chất của Si:



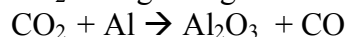
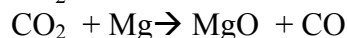
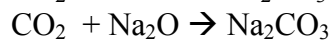
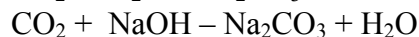
2) Tính chất hợp chất của carbon

Tính chất của CO

Tính khử:



Tính chất của CO₂:



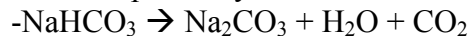
Tính chất của muối cacbonat:

- Tác dụng với axit → Giải phóng khí CO₂

- Muối + Bazơ → Muối mới + Bazơ mới

- Muối + Muối → 2 muối mới (phải có kết tủa hoặc là chất khí)

- Bị nhiệt phân hủy :



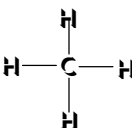
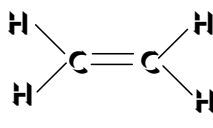
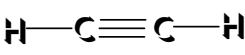
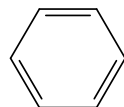
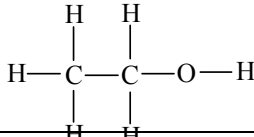
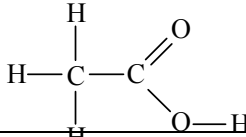
HÓA HỮU CƠ

1. Phân loại hợp chất hữu cơ. Hợp chất hữu cơ gồm 2 loại:

+ Hidrocacbon: Chỉ chứa 2 nguyên tố là H, C.

+ Dẫn xuất của hidrocacbon: Ngoài 2 nguyên tố H, C còn chứa các nguyên tố khác: N, O, Cl,...

2. Công thức cấu tạo đầy đủ và thu gọn .

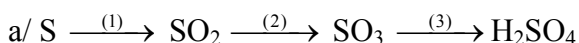
<p><u>1.Metan : CH₄</u></p>  <p>TG : CH₄</p>	<p><u>2.Etilen : C₂H₂</u></p>  <p>TG: CH₂ = CH₂</p>	<p><u>3.Axetilen : C₂H₂</u></p>  <p>TG : CH = CH</p>	<p><u>4.Benzen : C₆H₆</u></p>  <p>TG:</p>
<p><u>5. Rượu etylic</u> C₂H₅OH hay C₂H₆O</p> 	<p><u>6.Axit axetic</u> CH₃COOH hay C₂H₄O₂</p> 	<p><u>7.Etyl axetat</u> CH₃COOC₂H₅ hay C₄H₈O₂</p>	<p><u>8.Xiclo hexan : C₆H₁₂</u></p>

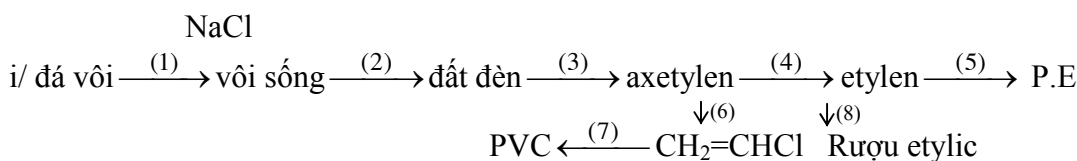
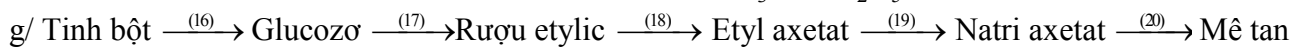
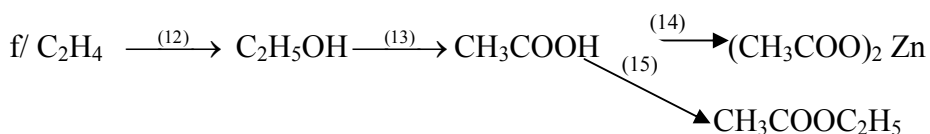
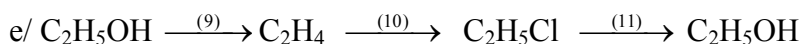
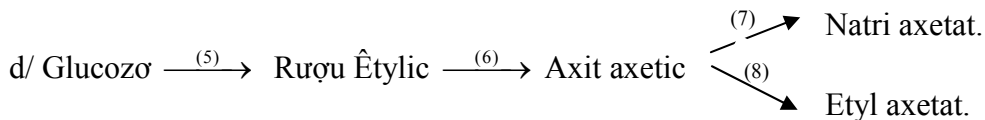
3. Tính chất của hidrocarbon.		
HCHC	TÍNH CHẤT HÓA HỌC	ĐIỀU CHẾ
1.METAN (CH ₄)	a. PU' cháy : CH ₄ + 2O ₂ → CO ₂ + 2H ₂ O b. PU' thế: CH ₄ + Cl ₂ \xrightarrow{as} CH ₃ Cl + HCl	CH ₃ COONa + NaOH → CH ₄ + Na ₂ CO ₃ C + 2H ₂ \xrightarrow{to} CH ₄
2.ETILEN (C ₂ H ₄)	a. PU' cháy : C ₂ H ₄ + 3O ₂ $\xrightarrow{t^o}$ 2CO ₂ + 2H ₂ O b. PU' cộng : C ₂ H ₄ + H ₂ \xrightarrow{Ni} C ₂ H ₆ C ₂ H ₄ + Br ₂ → C ₂ H ₄ Br ₂ C ₂ H ₄ + H ₂ O \xrightarrow{axit} C ₂ H ₅ OH c. PU' trùng hợp: nCH ₂ =CH ₂ $\xrightarrow{t^o, xt}$ (-CH ₂ -CH ₂ -) _n polietilen(PE)	C ₂ H ₅ OH → C ₂ H ₄ + H ₂ O
3.AXETILEN (C ₂ H ₂)	a. PU' cháy: 2C ₂ H ₂ + 5O ₂ $\xrightarrow{t^o}$ 4CO ₂ + 2H ₂ O b. PU' cộng : C ₂ H ₂ + H ₂ $\xrightarrow{Pd, t^o}$ C ₂ H ₄ C ₂ H ₂ + H ₂ $\xrightarrow{Ni, t^o}$ C ₂ H ₆ C ₂ H ₂ + 2Br ₂ → C ₂ H ₂ Br ₄ (tetrabrometan)	CaC ₂ + 2H ₂ O → C ₂ H ₂ + Ca(OH) ₂
4.BENZEN (C ₆ H ₆)	a. PU' cháy: 2C ₆ H ₆ + 15O ₂ $\xrightarrow{t^o}$ 12CO ₂ + 6H ₂ O b. PU' thế với Br ₂ : C ₆ H ₆ + Br ₂ $\xrightarrow{bột Fe, t^o}$ C ₆ H ₅ Br + HBr - Benzen làm mất màu đỏ nâu brom lỏng . c. PU' cộng: C ₆ H ₆ + 3Cl ₂ $\xrightarrow{a's'}$ C ₆ H ₆ Cl ₆ C ₆ H ₆ + 3H ₂ $\xrightarrow{t^o}$ C ₆ H ₁₂	3CH=CH $\xrightarrow{600^o, C}$ C ₆ H ₆
5. Rượu etylic (C ₂ H ₅ OH) C ₂ H ₆ O	a. PU' cháy: C ₂ H ₅ OH + 3O ₂ $\xrightarrow{t^o}$ 2CO ₂ + 3H ₂ O b. PU' thế K, Na : 2C ₂ H ₅ OH + 2Na → 2C ₂ H ₅ ONa + H ₂ 2C ₂ H ₅ OH + 2K → 2C ₂ H ₅ OK + H ₂ c. PU' este hóa: CH ₃ COOH + C ₂ H ₅ OH $\xrightleftharpoons{H_2SO_4, t^o}$ CH ₃ COOC ₂ H ₅ + H ₂ O	C ₆ H ₁₂ O ₆ $\xrightarrow{Men\ rượu}$ 2C ₂ H ₅ OH + 2CO ₂ . C ₂ H ₄ + H ₂ O → C ₂ H ₅ OH
6.Axit axetic (CH ₃ COOH) C ₂ H ₄ O ₂	a. PU' cháy: CH ₃ COOH + 3O ₂ $\xrightarrow{t^o}$ 2CO ₂ + 2H ₂ O b. Tính axit: 2 CH ₃ COOH + 2Na → 2CH ₃ COONa + H ₂	C ₂ H ₅ OH + O ₂ $\xrightarrow{Megiám}$ CH ₃ COOH + H ₂ O

	$\text{CH}_3\text{COOH} + \text{NaOH} \rightarrow \text{CH}_3\text{COONa} + \text{H}_2\text{O}$ $2\text{CH}_3\text{COOH} + \text{CuO} \rightarrow (\text{CH}_3\text{COO})_2\text{Cu} + \text{H}_2\text{O}$ $2\text{CH}_3\text{COOH} + \text{Na}_2\text{CO}_3 \rightarrow 2\text{CH}_3\text{COONa} + \text{CO}_2 + \text{H}_2\text{O}$ (Phản ứng này để nhận biết axit CH_3COOH) c. PU este hóa: $\text{CH}_3\text{COOH} + \text{C}_2\text{H}_5\text{OH} \xrightleftharpoons{\text{H}_2\text{SO}_4, \text{to}} \text{CH}_3\text{COOC}_2\text{H}_5 + \text{H}_2\text{O}$	$2\text{C}_4\text{H}_{10}(\text{butan}) + 5 \text{O}_2 \xrightarrow{\text{xt, t}^\circ} 4\text{CH}_3\text{COOH} + 2\text{H}_2\text{O}$
7. Chất béo $(\text{RCOO})_3\text{C}_3\text{H}_5$	a. Phản ứng thủy phân $(\text{RCOO})_3\text{C}_3\text{H}_5 + 3\text{H}_2\text{O} \xrightarrow{\text{axit, to}} 3\text{RCOOH} + \text{C}_3\text{H}_5(\text{OH})_3$ b. Phản ứng xà phòng hóa $(\text{RCOO})_3\text{C}_3\text{H}_5 + 3\text{NaOH} \xrightarrow{\text{to}} 3\text{RCOOH} + \text{C}_3\text{H}_5(\text{OH})_3$	
8. Glucozơ $(\text{C}_6\text{H}_{12}\text{O}_6)$	a. Phản ứng oxi hóa $\text{C}_6\text{H}_{12}\text{O}_6 + \text{Ag}_2\text{O} \xrightarrow{\text{NH}_3} \text{C}_6\text{H}_{12}\text{O}_7 + 2\text{Ag}$ (axit gluconic) Phản ứng nhận biết Glucozơ. b. Phản ứng lên men $\text{C}_6\text{H}_{12}\text{O}_6 \xrightarrow{\text{Men rượu}} 2\text{C}_2\text{H}_5\text{OH} + 2\text{CO}_2$	$(-\text{C}_6\text{H}_{10}\text{O}_5^-)_n + n\text{H}_2\text{O} \xrightarrow{\text{Axit, t}^\circ} n\text{C}_6\text{H}_{12}\text{O}_6$
9. Saccarozơ $(\text{C}_{12}\text{H}_{22}\text{O}_{11})$	a. Phản ứng thủy phân $\text{C}_{12}\text{H}_{22}\text{O}_{11} + \text{H}_2\text{O} \xrightarrow{\text{H}_2\text{SO}_4, \text{t}^\circ} \text{C}_6\text{H}_{12}\text{O}_6 + \text{C}_6\text{H}_{12}\text{O}_6$ (glucozơ) (Fructozơ)	
10. Tinh bột và xenlulozơ	a. Phản ứng thủy phân $(-\text{C}_6\text{H}_{10}\text{O}_5^-)_n + n\text{H}_2\text{O} \xrightarrow{\text{Axit, t}^\circ} n\text{C}_6\text{H}_{12}\text{O}_6$ b. Phản ứng với Iot Hồ tinh bột + Nước iot (màu nâu) \rightarrow màu xanh thẫm	$6n\text{CO}_2 + 5n\text{H}_2\text{O} \xrightarrow{\text{clorophin, a's}^\circ} (-\text{C}_6\text{H}_{10}\text{O}_5^-)_n$

II. MỘT SỐ CÂU HỎI ÔN TẬP:

- Trình bày tính chất hoá học của:** Metan, etilen, axetilen, benzen, rượu etylic, axit axetic, chất béo, glucozo, tinh bột ?
- Viết công thức cấu tạo của các chất sau :** metan, etilen, axetilen, benzen, rượu etylic, axit axetic?
- Hãy nhận biết các chất sau bằng phương pháp hoá học:**
 - $\text{CO}_2, \text{Cl}_2, \text{CO}, \text{H}_2$. Viết phương trình hoá học xảy ra (nếu có)
 - $\text{CO}_2, \text{CH}_4, \text{C}_2\text{H}_4$. Viết phương trình hoá học xảy ra (nếu có)
 - dd axit axetic, dd rượu etylic, dd glucozơ . Viết phương trình hoá học xảy ra (nếu có)
 - Benzen, rượu Etylic, Axit axetic . Viết phương trình hoá học xảy ra (nếu có)
 - Benzen, rượu etylic, axit axetic và glucozơ. Viết phương trình hoá học xảy ra (nếu có).
- Viết các PTHH biểu diễn các chuyển đổi hóa học sau (ghi rõ điều kiện nếu có)**





III. MỘT SỐ BÀI TẬP:

Bài 1: Cho **69,6 g MnO₂** tác dụng với HCl đặc thu được một lượng khí X. Dẫn khí X vào **500 ml dung dịch NaOH 4M** thu được dung dịch A. Tính nồng độ mol của dung dịch A. Giả thiết rằng thể tích dung dịch sau phản ứng thay đổi không đáng kể

Bài 2: Cho 3,36 lít hỗn hợp khí gồm Metan và Axetilen qua bình đựng dung dịch nước Brom dư, sau phản ứng thấy thoát ra **2,24 lít khí**.

a/ Viết phương trình phản ứng xảy ra?

b/ Tính % thể tích các khí trong hỗn hợp?

c/ Nếu đốt cháy hoàn toàn hỗn hợp khí trên trong không khí thì dùng bao nhiêu thể tích không khí, biết thể tích oxi chiếm 20% thể tích không khí? (thể tích các khí đo ở đktc)

Bài 3: Cho 0,56 lít hỗn hợp khí gồm C₂H₄, C₂H₂ (đktc) tác dụng hết với dung dịch Br₂ dư, **lượng Br₂ đã tham gia phản ứng là 5,6 gam**.

a) Hãy viết phương trình phản ứng ?

b) Tính thành phần % thể tích của mỗi khí trong hỗn hợp (biết Br = 80).

Bài 4 : Cho 500 ml dung dịch CH₃ COOH tác dụng vừa đủ với **30 g dung dịch NaOH 20%**

a/ Tính nồng độ mol/lít của dung dịch CH₃COOH .

b/ Nếu cho toàn bộ dung dịch CH₃COOH trên vào 200 ml dung dịch Na₂CO₃ 0,5 M thì thu được bao nhiêu lít khí CO₂ thoát ra ở đktc .

Bài 5 : Đun nóng **6 gam axit axetic** với rượu etylic dư (có H₂SO₄ đ, xt) sau phản ứng thu được **4,4 gam etylaxetat** . Tính hiệu suất của phản ứng trên?

Bài 6 : Khi lên men dung dịch loãng của rượu etylic, người ta thu được giấm ăn.

a) Từ 5 lít rượu 8° có thể điều chế được bao nhiêu gam axit axetic. Biết hiệu suất quá trình lên men là 80% và rượu etylic có D = 0,8 g/cm³

b) Nếu pha khối lượng axit axetic trên thành dung dịch giấm 5% thì khối lượng giấm thu được là bao nhiêu?

Bài 7 : Khi lên men glucozơ, người ta thấy thoát ra **5,6 lít khí cacbonic ở đktc.**(Hiệu suất của quá trình lên men là 95%).

- Tính khối lượng rượu etylic tạo ra sau khi lên men.
- Tính khối lượng glucozơ đã lấy lúc ban đầu.

Bài 8: Đốt cháy hoàn toàn 23 gam HCHC A thu được 44 gam CO₂ và 27 gam H₂O.

- Xác định CTPT của A, biết tỉ khối hơi của A so với H₂ là 23.
- Viết CT cấu tạo của A, biết A tác dụng được với Na giải phóng khí H₂

Bài 9 : Đốt cháy 10,5 g chất hữu cơ A thu được 16,8 lít khí cacbonic và 13,5 gam hơi nước. Biết rằng khối lượng mol của chất hữu cơ A là 42 (các thể tích khí đo ở điều kiện tiêu chuẩn). Hãy xác định công thức phân tử và viết công thức cấu tạo của chất hữu cơ A.

Bài 10 : Đem đốt cháy hoàn toàn 17,1 gam một gluxit thu được 26,4 gam khí CO₂ (đktc) và 9,9 gam H₂O . Biết gluxit này có công thức phân tử khối là 342 đvC .

- Tìm công thức phân tử của gluxit trên và gọi tên?
- Nêu tính chất hoá học của gluxit này? Viết phương trình phản ứng minh hoạ ?

Bài 11: Có hỗn hợp A gồm **rượu etylic** và **axit axetic**. Cho **21,2 gam A** phản ứng với **Natri** (vừa đủ) thì thu được **4,48 lít khí hidro** (đktc).

- Tính phần trăm khối lượng mỗi chất trong hỗn hợp A.
- Cô cạn dung dịch thu được bao nhiêu gam hỗn hợp muối khan.

Bài 12 : Đem 50ml rượu a⁰ cho tác dụng với Kali dư thì thu được **21,28 lít khí H₂ (ĐKTC)** . Tính giá trị a , biết rượu etylic có khối lượng riêng là 0.8 g/ ml .

Bài 13 : Cho 50 ml dung dịch axit axetic tác dụng hoàn toàn với Mg cô cạn dung dịch ta thu được **1,42 g muối**.

- Tính nồng độ mol của dung dịch axit.
- Thể tích khí H₂ ở đktc sinh ra là bao nhiêu

Bài 14: Đốt cháy hoàn toàn 15 ml rượu êtilic chưa rõ độ rượu rồi cho toàn bộ sản phẩm đi vào nước vôi trong (lấy dư). **Lọc kết tủa, sấy khô cân nặng 50 g**

- Tính thể tích không khí để đốt cháy rượu hoàn toàn. Biết thể tích oxi chiếm 1/5 thể tích không khí.
- Xác định độ rượu (biết khối lượng riêng rượu nguyên chất là 0,8g/ml)

Bài 15: Cho **30g Axit axêtic** tác dụng với **27,6g rượu etylic** có H₂SO₄ đặc làm chất xúc tác, đun nóng thu được **35,2 g este (etyl axetat)**

- Viết phương trình hoá học của phản ứng?
- Tính **hiệu suất của phản ứng este hoá?**

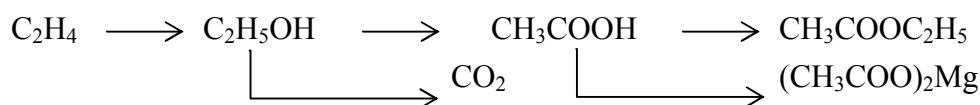
AAAAAAAAAAAAAAAAAAAAAAAAAAAAAAAAAAAA

ĐỀ 1 KIỂM TRA HỌC KÌ II

Câu 1. (2,5 đ) Độ rượu là gì? Viết công thức tính độ rượu. Tính số ml rượu etylic có trong 500 ml rượu 45°.

a/ Cho Natri vào rượu 96°. Viết các phương trình phản ứng xảy ra ?

Câu 2. (2,5đ) Hoàn thành sơ đồ chuỗi phản ứng sau :



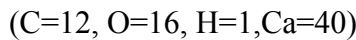
Câu 3. (2 điểm)

Có ba dung dịch đựng trong các lọ riêng biệt: rượu etylic, axit axetic, glucozơ. Bằng phương pháp hóa học hãy trình bày cách nhận biết các dung dịch trên.

Câu 4. (3điểm)

Cho m gam glucozơ lên men để điều chế rượu etylic, khí CO₂ sinh ra được dẫn vào nước vôi trong có dư, thu được **40g một kết tủa**.

- a) Viết phương trình phản ứng xảy ra.
- b) Tính m (gam). Giả sử hiệu suất của phản ứng lên men là 100% và 90%.
- c) Tính khối lượng rượu etylic thu được



ĐỀ 2 KIỂM TRA HỌC KÌ II

Câu 1: (2 điểm) Độ rượu là gì? Tính số ml rượu etylic nguyên chất có trong 250ml rượu etylic 96⁰

Câu 2: Hoàn thành các phương trình hóa học sau, ghi rõ điều kiện, nếu có: (3 điểm)

- a. CH₃COOH + C₂H₅OH →
- b. C₆H₆ + Br₂ →
- c. CH₃COOH + Mg →
- d. C₆H₁₂O₆ + Ag₂O →
- e. C₂H₅OH + Na →
- f. C₂H₂ + Br₂ →
- g. CH₄ → C₂H₂ → C₂H₄ → C₂H₅OH → CH₃COOH → CO₂

Câu 3: Bằng phương pháp hóa học, hãy trình bày cách nhận biết 4 chất khí sau: CO₂, H₂, CH₄, C₂H₄ Viết phương trình hóa học, nếu có. (2 điểm)

II. BÀI TOÁN : (3 điểm)

Cho **21,2 gam Na₂CO₃** vào 200ml dung dịch axit axetic thu được V lít khí A, Dẫn toàn bộ khí A qua dung dịch nước vôi trong thu được kết tủa B.

- a. Viết phương trình hóa học xảy ra.
- b. Tính nồng độ mol của dung dịch axit axetic đã dùng
- c. Tính khối lượng kết tủa B thu được sau phản ứng.

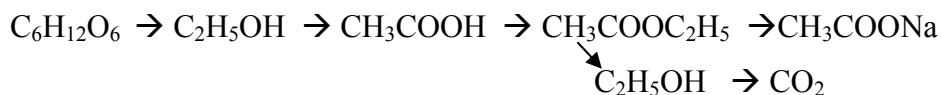
Cho Na = 23, C= 12, O= 16, Ca= 40, H=1

ĐỀ 3 KIỂM TRA HỌC KÌ II

A. LÝ THUYẾT (7đ)

Câu 1 : Viết các phương trình phản ứng thực hiện chuỗi biến hóa sau

(ghi rõ điều kiện nếu có) : (3đ)



Câu 2: Hãy nhận biết 3 chất lỏng sau (2đ) : axit axetic, benzen, glucozơ (C₆H₁₂O₆), rượu etylic.

Câu 3: (2đ) Độ rượu là gì ? Tính số ml rượu 20⁰ được pha từ 300 ml rượu etylic 15⁰ ?

- Giải thích hiện tượng khi cho Natri cacbonat tác dụng với dung dịch axit axetic.

B. BÀI TOÁN (3đ) Cho magiê tác dụng với dung dịch axit axetic (CH₃COOH) sau phản ứng thu được

magie axetat và **4,48 lít khí Hidro (đktc)**.

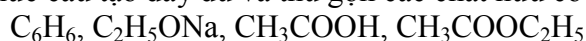
a/ Viết phương trình hóa học

b/ Tính khối lượng Magiê tham gia phản ứng.

c/ Cho dung dịch NaOH 0,5 M trung hòa hết lượng dung dịch axit axetic nói trên. Tính thể tích dd NaOH cần dùng

ĐỀ 4 KIỂM TRA HỌC KÌ II

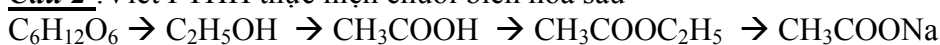
Câu 1 Viết công thức cấu tạo đầy đủ và thu gọn các chất hữu cơ có công thức phân tử sau:



b. Tính thể tích rượu etylic có trong 400ml rượu 45⁰.

- Giải thích hiện tượng khi cho kim loại kẽm tác dụng với dung dịch axit axetic.

Câu 2 :Viết PTHH thực hiện chuỗi biến hóa sau



Câu 3 :Bằng 2 phương pháp hóa học hãy nhận biết các dd sau: Rượu etylic, axit axetic

II. BÀI TOÁN (3 đ) Hòa tan hoàn toàn **10,6g gam Na₂CO₃** vào dd CH₃COOH 20%

a. Viết PTHH

b. Tính khối lượng dd CH₃COOH 20% .

c. Tính thể tích khí thu được (đktc)? Tính nồng độ phần trăm dung dịch sau phản ứng ?

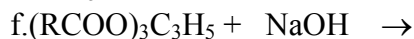
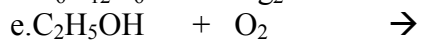
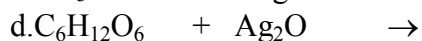
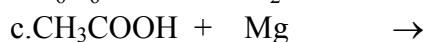
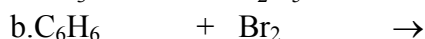
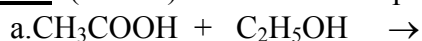
ĐỀ 5 KIỂM TRA HỌC KÌ II

Câu 1: (2 điểm) Độ rượu là gì?Có thể pha bao nhiêu ml rượu etylic 24⁰ từ 250ml rượu etylic 96⁰ .

Giải thích hiện tượng khi cho dung dịch axit axetic tác dụng với dung dịch NaOH có phenolphthalein.

Câu 2: (2 điểm) Bằng phương pháp hóa học, hãy trình bày cách nhận biết ba chất khí sau: metan , khí cacbonic , axetilen. Viết phương trình hóa học, nếu có.

Câu 3: :(3 điểm) Hoàn thành các phương trình hóa học sau, ghi rõ điều kiện, nếu có)



II. BÀI TOÁN : (3 điểm) Cho 250ml dung dịch CH₃COOH tác dụng với Mg thu được **7,1 g muối**.

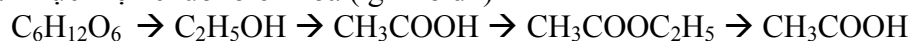
a/ Tính khối lượng Mg tham gia phản ứng và thể tích khí hidro thu được.

b/ Tính C_M của dung dịch CH₃COOH đã dùng.

c/ Để trung hòa hết lượng axit nói trên cần bao nhiêu gam dung dịch NaOH 5% ?

ĐỀ 6 KIỂM TRA HỌC KÌ II

Câu 1: Thực hiện chuỗi biến hóa (ghi rõ đk)

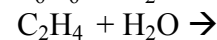
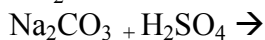
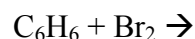


Ag

 $(\text{CH}_3\text{COO})_2\text{Zn}$

Câu 2: Nhận biết 3 dung dịch C_6H_6 , $\text{C}_6\text{H}_{12}\text{O}_6$, CH_3COOH bằng phương pháp hóa học (2đ)

Câu 3: Hoàn thành PTPƯ: (2đ)



Câu 4: . Cho 5,6 lít (đktc) hỗn hợp khí metan và etylen đi qua nước brom dư thấy có 4 gam brom tham gia phản ứng.

- Viết phương trình hóa học.
- Tính thành phần % về thể tích của mỗi khí trong hỗn hợp

Câu 5: Lên men rượu glucôzơ rồi dẫn sản phẩm khí qua dung dịch nước vôi trong thu được **20g kết tủa**.

- Viết các PTPƯ
- Tính khối lượng rượu thu được
- Tính khối lượng glucôzơ ban đầu . Biết rằng $\text{C} = 12$, $\text{H} = 1$, $\text{O} = 16$

ĐỀ 7 KIỂM TRA HỌC KÌ II

Câu 1: Hãy nhận biết các khí sau bằng phương pháp hoá học: CO_2 , CH_4 , C_2H_4 . Viết các phương trình hoá học.

Câu 2: Cân bằng phương trình hóa học theo sơ đồ sau:



Câu 3:Viết CTCT đầy đủ và thu gọn của :axetylen, benzen, rượu etylic.

Câu 4: Đốt cháy hoàn toàn 30ml rượu êtilic chưa rõ độ rượu rồi cho toàn bộ sản phẩm đi vào nước vôi trong (lấy dư). **Lọc kết tủa, sấy khô cân nặng 100g.**

- Tính thể tích không khí để đốt cháy rượu hoàn toàn. Biết thể tích oxi chiếm 1/5 thể tích không khí.
- Xác định độ rượu (biết khối lượng riêng rượu nguyên chất là 0,8g/ml)

Câu 5 : Cho 6,72 lít hỗn hợp CH_4 và C_2H_4 đi qua dd brom, **thấy bình đựng brom tăng lên 2,8g**. Tính phần trăm mỗi khí có trong hỗn hợp.

ĐỀ 8 KIỂM TRA HỌC KÌ II

Câu 1: Trên nhãn của các chai rượu đều có ghi các số, thí dụ 45^0 , 18^0 , 12^0 .

- Hãy giải thích ý nghĩa của các số trên. (1 đ)
- Tính số ml rượu etylic có trong 500ml rượu 45^0 . (1đ)
- Có thể pha được bao nhiêu lít rượu 25^0 từ 500ml rượu 45^0 . (1đ)

Câu 2: Cho 5,6 lít (đktc) hỗn hợp khí metan và etylen đi qua nước brom dư thấy có **4 gam brom tham gia phản ứng**.

- Viết phương trình hóa học.
- Tính thành phần % về thể tích của mỗi khí trong hỗn hợp.

Câu 3: Cho dung dịch axit axetic (CH_3COOH) tác dụng hết với 300 ml dung dịch NaOH 0,5M.

- Viết phương trình hoá học của phản ứng.

b) Tính số gam axit axetic đã tham gia phản ứng.

c) Tính số gam muối CH_3COONa tạo thành.

Câu 4: Cho 3,36 lít hỗn hợp khí gồm Mêtan và Axêtylen qua bình đựng dung dịch nước Brôm dư, sau phản ứng thấy thoát ra **2,24 lít khí**. (ở đktc)

a/ Viết phương trình phản ứng xảy ra?

b/ Tính % thể tích các khí trong hỗn hợp ?

c/ Nếu đốt cháy hoàn toàn hỗn hợp khí trên trong không khí thì dùng bao nhiêu thể tích không khí, biết thể tích Ôxy chiếm 20% thể tích không khí? (thể tích các khí đo ở đktc)

**CHO : K=39, Na=23, Ba=137, Ca=40, Zn=65, Cu=64, Mg=24, Fe=56, Ag=108, Al=27
C=12, O=16, H=1, Br=80, Cl=35,5)**

CHÚC CÁC EM LÀM BÀI THI THẬT TỐT

^^ Chơi không học mất cả tương lai ^^